

Số: 797/2024/QĐST-  
HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 22 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 868/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khóm D, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Bà Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số B P, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bảo Y tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/9/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có được 02 con chung. Trong thời gian gần đây, hai vợ chồng sống không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã trong cuộc sống gia đình nên ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người tự lựa chọn cuộc sống riêng cho mình. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của ông T và bà Y trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bảo Y.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu H sinh ngày 02/4/2017 và Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 09/6/2020.

Ông T, bà Y thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 02/4/2017 và cháu Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 09/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Bảo Y trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu **H**, cháu **H1**, lần lượt đủ 18 tuổi. Ông **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng mỗi cháu là 2.500.000 đồng.

3. Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị Bảo Y** và ông **Nguyễn Hữu T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Bảo Y** và ông **Nguyễn Hữu T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí công nhận thuận tình ly hôn: Ông **Nguyễn Hữu T** và bà **Nguyễn Thị Bảo Y** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông **Nguyễn Hữu T** và bà **Nguyễn Thị Bảo Y** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004806 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông **Nguyễn Hữu T** và bà **Nguyễn Thị Bảo Y** đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Hữu T** và bà **Nguyễn Thị Bảo Y**.

- Về con chung: Ông **T**, bà **Y** có 02 con chung tên là **Nguyễn Hữu H** sinh ngày 02/4/2017 và **Nguyễn Hữu H1**, sinh ngày 09/6/2020.

Ông **T**, bà **Y** thỏa thuận: Giao cháu **Nguyễn Hữu H**, sinh ngày 02/4/2017 và cháu **Nguyễn Hữu H1**, sinh ngày 09/6/2020 cho bà **Nguyễn Thị Bảo Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng mỗi cháu là 2.500.000 đồng. Thời hạn nuôi con, cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu **Nguyễn Hữu H**, sinh ngày 02/4/2017 và cháu **Nguyễn Hữu H1**, sinh ngày 09/6/2020 lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo Y và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bảo Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bảo Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004806 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bảo Y đã nộp đủ, nay không phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp Huế;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- UBND phường An Cựu, thành phố Huế (ĐKKH số 100 ngày 26/9/2016);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Vinh Phú**